

CHỮ HIẾU MỘT VỊ VUA

Giáo sư **Nguyễn Phú Thứ**
bút hiệu **Hàn Lâm**

(tiếp Theo)

Và Ông tuyệt thực suốt 17 ngày mà không chết để chờ quyết định của vua Tự-Đức. Sau cùng, vào lúc nửa đêm mùng 4 rạng mùng 5 tháng 7 năm Đinh Mão 1867, Ông hướng về phương Bắc nơi có vua Tự-Đức để lạy 5 lạy và trước sự chứng kiến đau lòng của các con cháu, rồi Ông uống á-phiện với dấm thanh để tự vận. Lúc đó có nhiều người quan Pháp kính nể việc làm của Ông, bác sĩ hải-quân Pháp là Le Coniat đã tận lực cứu chữa, nhưng không cứu Ông được, nên phải trút hơi thở cuối cùng thượng thọ 71 tuổi và được các quan lớn nhỏ ở lục tỉnh cùng thân bằng cố hữu về đông đủ để chịu tang và các con cháu đưa về an táng tại làng Bảo-Thạnh, quận Ba-Tri (Bến-Tre) đúng như ý muốn của Ông. Khi hay tin Ông chết, các quan Việt-Nam và Pháp tới phúng điếu đều ngậm ngùi thương tiếc một công thần với 41 năm công cán suốt 3 triều đại là: 1.-Vua Minh - Mạng (1820-1840) tức con thứ ba của vua Gia-Long là Thánh-Tổ Nguyễn-Phúc-Đảm, thọ 50 tuổi, trị vì 20 năm và có 170 người con. 2.-Vua Thiệu-Trị (1841-1847) tức Hoàng-Thái-Tử của vua Minh-Mạng là Hiến-Tổ Nguyễn-Miên-Tông, thọ 37 tuổi và trị vì 6 năm. 3.-Vua Tự-Đức (1847-1883) tức con thứ hai của Vua Thiệu-Trị với Bà Thái-Hậu Từ-Dũ, quê ở Gia-Định (Nam Kỳ) là Hoàng-Thái-Tử Dục-Tông Nguyễn-Hồng-Nhậm, thọ 55 tuổi và trị vì 36 năm. Lúc làm Kinh-Lược trấn nhậm tỉnh Vĩnh-Long Ông có lập miếu thờ Đức Khổng Tử do Ông Nguyễn-Thông trông nom, khởi công năm Giáp Tý 1864 đến cuối năm 1866 hoàn-thành, đồng thời cất tòa Văn-Xương-Các chung trong đất Văn -Thánh tại làng Long-Hồ để khi rảnh rỗi việc quan, Ông cùng các bạn văn nho họp

luận bàn thi phú. Tòa Văn Xương-Các đến nay vẫn còn uy-nghiêm dưới nhiều cây cổ thụ trồng từ xa xưa, cách chợ Vĩnh-Long khoảng 3 cây số. Bên trong có thờ chân dung Ông và bài-vì Ông Võ-Trường-Toản. Riêng tại Miếu Quốc-Công nằm trong thị xã Vĩnh-Long cũng có thờ Ông, hai nơi này lúc nào khói hương cũng nghi ngút. Ngoài ra, năm 1966, chánh-quyền Tỉnh và thân hào nhân sĩ trước kia, cũng dựng tượng đồng bán thân Ông đặt tại công viên tại chợ Vĩnh-Long. Bởi vì, Ông là vị quan thanh-liêm, cương trực, hết lòng phục mệnh các vị vua và lo cho đất nước, dân tộc, lúc bấy giờ, cho nên Ông bị hành-động gian-xảo của giặc Pháp ở thế thượng phong về quân-sự cùng văn-minh tân kỳ của giặc Pháp (bởi vì, Ông đã thấy tận mắt khi cầm đầu sứ bộ sang Pháp), lúc nào cũng muốn cưỡng chiếm 6 tỉnh Nam-Kỳ cho bằng được. Dù ai, ngoài Ông ra cũng không tránh khỏi kết-quả thiệt-thòi của giặc Pháp đưa đến. Vì thế, Ông đành thất thủ thành và đưa đến cái chết can-đảm. Trong khi đó, có tin từ triều đình Huế gửi vào : Bãi chức hàm của Ông, đục tên trên bia tiến-sĩ ngoài Huế để làm gương, cuối cùng đến năm 1885 vua Đồng-Khánh mới phục hồi chức hàm và đến năm 1924 vua Khải-Định mới phong thần cho Ông. Hơn nữa, sau khi Ông chết, hai con của Ông là: Phan-Tôn và Phan-Liêm đã nghe lời Ông căn dặn trước khi chết là : "không ra làm quan với Pháp" mà còn đứng lên chống Pháp. Vì vậy, khi Ông qua đời không những thân bằng quyến thuộc, các quan lớn nhỏ Việt-Pháp cùng đồng bào miền lục tỉnh đến nơi tiễn đưa Ông rất long-trọng và luyện tiết một nhân tài không thể cưỡng lại tinh thể lúc bấy giờ.

Riêng Ông Nguyễn-Đình-Chiếu làm bài thơ điệu Ông, bằng chữ Nôm như sau :

Non nước tan tành hệ bởi đâu?

Dầu dầu mây bạc (trắng) cõi Ngao châu,

Ba triều công cán vài hàng sớ,

Sáu tỉnh cang (cương) thường một gánh thâu,

Ái (Trạm) Bắc ngày trông (chiều) tin nhận (điệp) vắng,

Thành Nam đêm quạnh tiếng quỳên sầu,

Minh tinh (sinh) chín chữ () lòng son tạc,*

Trời đất từ đây mặc gió thu.

(*) Ông Phan-Thanh-Giản viết di bút để lại cho các con cháu có 11 chữ là : Đại Nam hải nhai lão thư sinh tánh Phan chi cứu có nghĩa là "Linh cứu của người học trò già họ Phan ở bãi biển nước Đại-Nam". Như vậy, chữ "cứu" là cuối chữ của câu 11 chữ do Ông Phan-Thanh-Giản viết rớt đúng chữ "linh" thì rất đúng quy tắc. Bởi vì, theo quy-tắc thời xưa, khi viết minh tinh (tám triệu) hay mộ bia bắt buộc phải chú ý đến 4 chữ : Quý, Khốc, Linh, Thính và phải tôn trọng quy tắc : "Nam Linh, Nữ Thính, bắt dụng Quý Khốc nhị tự". Nhưng tại sao Ông Nguyễn-Đình-Chiếu

là đồ nho lại viết 9 chữ và cắt bỏ hai chữ Đại-Nam có ý nghĩa gì ? Theo thiên nghi lúc bấy giờ ở Nam Kỳ lục tỉnh đã bị giặc Pháp chiếm, thì không thể dùng chữ Đại-Nam mà phải cắt bỏ để tránh khéo Ông Phan-Thanh-Giản? và có ý để Ông Phan-Thanh-Giản thành Quý sau khi chết, bởi để mất Nam Kỳ. Hơn nữa, câu thơ chót Ông Nguyễn-Đình-Chiều kết bằng chữ gió thu (tức gió mùa Thu, theo ngũ-hành thuộc Kim, theo phương hướng thuộc hướng Tây) ý nói lục tỉnh Nam Kỳ giờ đây do giặc Pháp cai trị là để gởi trọn sự thống hận đồ trút hết tội tình lên Ông Phan-Thanh-Giản, giống như hành động vua Tự-Đức vậy. **Xin xem bảng kê dưới đây sẽ thấy rõ hơn :**

Ngoài ra, Ông Nguyễn-Đình-Chiều không dùng ở đây, lại làm thêm bài thơ điệu Ông Phan-Thanh-Giản bằng chữ Hán, không kém sự phiến giận của Ông. Xin trích dẫn như sau :

*"Bình tiết tăng lao sinh Phú Bật,
Tận trung hà hận tử Trương Tuần,
Hữu thiên lục tỉnh tôn vong sự,
Nam đặc thung dung tỵ nghĩa thân..."*

Với 4 câu thơ trên Ông Nguyễn-Đình-Chiều, mượn Ông Phú-Bật ở đời nhà Tống được vua cử đi sứ để thuyết phục được giặc Khiết-Đan và lấy lại được đất cho nhà Tống, còn Ông Phan-Thanh-Giản cũng được cử đi sứ, nhưng không thành công. Riêng Ông Trương-Tuần ở đời nhà Đường giữ thành Tuy Dương, chống giặc An-Lộc-Son, đã chiến đấu đến cuối cùng, thành mất Ông Trương Tuần chết theo thành, còn Ông Phan-Thanh-Giản không theo gương người xưa, chết tức khắc theo thành?. Vì thế, việc còn mất lục tỉnh, còn có trời. Nhưng, Ông Phan-Thanh-Giản muốn ung dung làm thần (tự nghĩa thần) thì thật khó lắm thay!

Quả thật, Ông Nguyễn-Đình-Chiều, là con người vì yêu nước nồng-nàn, cho nên việc mất lục tỉnh Nam-Kỳ làm Ông tức giận tột cùng. Vì thế khi Ông Phan-Thanh-Giản chết, Ông làm hai bài điệu để hờn giận, căm thù thật đáng sợ hơn là thương tiếc Ông Phan-Thanh-Giản lâm vào tình trạng tiến thoái lưỡng nan lúc bấy giờ.

Qua những trích dẫn vừa qua, chúng ta thấy được những hành động của các bậc danh nhân ngày xưa, lúc nào cũng có tấm lòng yêu dân mến nước, đáng cho thế hệ chúng ta và kế tiếp sau này tôn vinh mãi mãi.

Để biểu lộ tôn kính đối với các bậc tiền nhân bằng hành động, không gì bằng mỗi khi có dịp chúng ta qua Tiền Giang hay Hậu Giang thuộc miền Nam Việt Nam, xin nhún chút thời giờ quý báu đến Bến Tre để thăm các lăng mộ của các Ông: Nguyễn Đình Chiểu, Phan Thanh Giản, Võ Trường Toản...

Nếu du khách muốn đi thăm viếng mộ Ông Nguyễn-Đình-Chiều ở ấp Vĩnh-Đức-Trung, làng An Đức, quận Ba-Tri, Tỉnh Bến Tre (Kiến-Hòa trước kia), trước hết phải đến Mỹ-Tho thuộc Tỉnh Tiền-Giang (Định-Tường trước kia) tìm bến bắc Rạch Miễu, để qua con sông Tiền Giang, kế đến lấy xe đò đi về Thị Xã Bến-Tre khoảng 12 cây số, rồi

đi tiếp về chợ quận Ba-Tri khoảng 35 cây số, thì thấy lăng mộ Ông Nguyễn-Đình-Chiều.

Muốn đi thăm lăng mộ quý Ông : Phan Thanh Giản, Võ Trường Toản phải đi như thế nào ?

Sau khi đến thăm lăng mộ Ông Nguyễn-Đình-Chiều xong, khi trở ra đi về hướng Phú Lễ quẹo mặt. Hoặc là, nếu chúng ta đến chợ quận Ba Tri, nơi đây thấy có ngã ba, phải quẹo trái (nhớ đừng quẹo mặt sẽ đi trở lại ngôi mộ Ông Nguyễn-Đình-Chiều đã thăm) và đi hướng Phú Lễ trên 15 cây số, để đến ấp 4, xã Bảo Thạnh, Quận Ba Tri (Bến Tre) sẽ thấy lăng mộ Ông Võ-Trường-Toản khang trang.

Rồi chúng ta đi tiếp khoảng 300 thước thì thấy ngôi mộ Ông Phan Thanh Giản điêu tàn, không được tu bổ do anh Phan Thanh Nhân, là người cháu sáu đời của Ông Phan Thanh Giản lo săn sóc, cúng giỗ hằng năm như bên đây :



Nếu quý độc giả cần tìm hiểu thêm, xin đọc bài Thăm Mộ Phan Thanh Giản của Võ Thị Thu Vân trong đặc san Tiền Giang Hậu Giang số 6 năm 2002 từ trang 61 đến trang 66, phát hành tại Nam California Hoa Kỳ, tác giả đã trích dẫn các hình lăng mộ vừa qua ở trước.

(trích dẫn Tìm Hiểu Việc Đòi Đả Qua 1 của Hàn Lâm Nguyễn Phú Thứ, đã hoàn thành đầu năm 2004, xin giới thiệu độc giả bốn phương)

Nguyễn Phú Thứ

